

• Nguyễn Văn Hi u 2.3. Vấn đề quy c ng hoá đ y ph âm ng c trong ti ng Hán quan tho i Tây Nam

Đ y ph âm ng c trong ti ng Hán g m có các âm /t, t h, , j, n/. N u so sánh v i ti ng Vi t thì trong đ y ph âm này ch có âm /n/ là có s t ng ng v i nhau. Do v y, con ch (nh) s đ c dung ghi l i âm đ c /n/ trong các đ a danh g c Hán.

Đ i v i các ph âm t c xát /t/ và ph âm t c xát, b t h i /t h/ ch n gi i pháp t ng t nh các ph âm có cùng ph ng th c c u âm, nh ng khác v trí c u âm /ts/ và /tʂ/. Ph âm /t/ do hai con ch (ch), (tr) th hi n, còn con ch (s) s dung đ ghi ph âm /t h/. Còn ph âm xát / / l i không nh t quán trong vi c ch n gi a hai con ch (x) và (s) đ hi n th . Chính đ u này đã gây ra có s l n l n khi phiên chuy n.

Tr ng h p bán nguyên âm /j/ cũng t ng t nh đ i v i tr ng h p âm /w/. M c dù không cho đây là các ph âm, nh ng khi chuy n sang ti ng Vi t thì h th ng ch quy c ng đã ph i dùng các con ch ph âm đ ghi âm đ c này. Trong t li u c a chúng tôi, hai con ch (d) và (gi) cùng đ m chi m ch c năng ghi các đ a danh g c Hán có xu t hi n âm /j/.

T ng ng	Ch Hán	Ch Vi t	Con ch th hi n
Hán /n/ /niəu tʂaŋ/ /xuaŋ ni pho/ Hoàng Nhì Ph /hwaŋ ni /t / /t / /ma t ia/ Má Tra /ma ʈa/ tr /t h/	Vi t /n/ Nhi u Sáng /nieu ʂaŋ/ /c/ /ŋai t yo/ Ng i Ch /ŋaj co/ ch /ʂ/ /ʂ/ /ia iaŋ/ S Ség /sa ʂeŋ/ s /z/ T Dín Ngài /ta zin ŋaj/		
		/ta t	h
			in
		/ta jin ŋaj/	

Giàng Tra /zaŋ ʈa/ d  
gi

## 2.4. Vấn đề quy tắc ngữ hoá dãy phụ âm gốc l trong tiếng Hán quan thoại Tây Nam

Dãy phụ âm gốc l trong tiếng Hán gốc có các âm /k, kʰ, x, ɲ/. Trong số các phụ âm này có hai phụ âm /k/ và /ɲ/ có giá trị ngữ âm khác biệt trong cả hai ngôn ngữ. Chính vì vậy chúng không có sự thay đổi và ngược lại nào khi dùng các con chữ (c, k, q) và /ng/ để ghi lại các âm gốc theo tiếng Hán quan thoại Tây Nam.

Âm /kʰ/ trong tiếng Hán là một phụ âm tắc bật hơi và không có âm nào trong tiếng Việt có đầy đủ giá trị ngữ âm giống phụ âm này. Vì vậy, giới pháp đã lựa chọn là tìm âm gần nhất với ngữ âm gốc của phụ âm này. Trong tiếng Việt, âm sát, vô thanh /X/ (1) (kh) nhiều khi được biểu thị một cách khác là một âm tắc, bật hơi /k

/. Nhìn chung vị trí của âm của hai âm này trong tiếng Việt và tiếng Hán là giống nhau. Chính vì vậy phụ âm /X/ của tiếng Việt đã đem nhiều mối liên hệ chuyển đổi phụ âm /k

/ của tiếng Hán.

Trong tiếng Hán, phụ âm sát, hữu thanh /x/ có vị trí của âm sâu hơn so với phụ âm /X/ trong tiếng Việt. Do vậy, việc lựa chọn phụ âm /h/ trong tiếng Việt để biểu thị âm /x/ trong tiếng Hán được xem như là một giới pháp thích hợp nhất.

Tiếng	Chữ Hán	Chữ Việt	Con chữ thể hiện
Hán /k/	Việt /k/	套套 /ta suei kəu/	套套 Suối Cầu /ta suoj kəu/
q 套套 /toŋ kwa/ /ɲ/	Tông Qua /toŋ kwa/ /ɲ/	套套 /ɲai tə yo/	Ngòi Chè /ɲaj co/
套套 /phin ɲan/ /k	Phìn Ngan /fin ɲan/ h	/	/X/

ta ja khəu/ /x/	T Gia Khâu /ta za X <sup>h</sup> u/ /h/	kan xo/ /h/	Cán H /kan ho/
nau xəu ts	h	oŋ/	La H Súng /la h <sup>h</sup> s <sup>h</sup> uŋ/

### 3. Kết luận

Qua việc khảo sát quá trình quy c ngữ hoá h th ng ph âm đ u trong các đ a danh g c Hán quan tho i Tây Nam các t nh mi n núi phía b c Vi t Nam, chúng tôi rút ra một vài kết luận s b nh sau:

Ban đ u đây là nh ng đ a danh hoàn toàn theo âm đ c Hán và đ có nh ng đ a danh ghi b ng ch quy c ngữ nh hi n nay thì nh ng đ a danh này đã ph i tr i qua một quá trình quy c ngữ hoá (dùng ch quy c ngữ đ ghi l i các đ a danh theo âm đ c Hán). Vì nh ng m c th i gian c th xu t hi n nh ng đ a danh đ i đ ng ch quy c ngữ c n ph i nghiên c u thêm. Nh ng chúng ta đ nh n th y quá trình quy c ngữ hoá x y ra do nhu c u c n ghi chép l i nh ng đ a danh này ph c v công tác b n đ , phân chia đ a gi i hành chính, hay trên các lo i văn b n khác nhau. Vì i nh ng m c đích và th i gian phiên chuy n khác nhau, nên có khá nhi u đ a danh t n t i v i nh ng bi n th con ch không đ ng nh t

Nhìn chung, khi phiên chuy n sang ch quy c ngữ, các ph âm đ u trong các đ a danh g c Hán th ng l a ch n m t con ch bi u th m t âm t ng ng trong ti ng Vi t. N u tr ng h p không có s t ng ng thì có xu h ng l a ch n m t ho c con ch bi u th m t ph âm có đ c tr ng t ng c n nh t. Xét toàn b h th ng ph âm đ u c a ti ng Hán quan tho i Tây Nam, ngo i tr ph âm /z/ ch a th y có trong t li u c a chúng tôi, còn l i các tr ng h p khác đ u xu t hi n. Chúng tôi có th t ng kết quy lu t chuy n đ i t nh ng ph âm g c Hán sang ch quy c ngữ nh sau:

p

(p)

p

h

t

(t)

t

h

(th)

ts (ch, tr) ts h (s)

t̃ (ch, tr) t̃ h (s)

k (c, q) k h (kh)

∅ ( )

Việc xem xét vấn đề quy chuẩn hoá các địa danh gốc Hán sẽ là một hướng nghiên cứu mới. Kì vọng nghiên cứu mới mới sẽ cho chúng ta thấy quy luật phiên chuyển từ âm chữ Hán sang chữ quy chuẩn, một khác sẽ góp phần trực tiếp vào việc chuyển hoá địa danh gốc Hán quan thoại Tây Nam Việt các tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam.

---

(1) Trong tiếng Việt âm chữ bắt đầu /X/ phân biệt với âm sát, hậu thanh /x/ trong tiếng Hán.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. **Nguyễn Tài Cẩn** (2001). *Ngữ nguyên gốc và quá trình hình thành cách chữ Hán Việt* Nxb ĐHQG Hà Nội.
2. **Hoàng Thế Châu** (1964). *Mối liên hệ về ngôn ngữ chữ địa phương Đông Nam Á qua một vài tên*

- sông. Thông báo khoa học Văn học - Ngôn ngữ (1964-1965), tập 2. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 94-106.
3. **Hoàng Thế Châu** (2004). *Phonetic history of Viet Nam*. Nxb Địch học Quốc gia Hà Nội.
  4. **Trần Trí Dõi** (2001). *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá xã hội*. Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
  5. **Hồ Hàn Giang, Mạnh Vĩ Long** (chủ biên) (2002). *Từ điển Hán-Việt*. Nhà in Thông tin và Báo Kinh.
  6. **Nghiêm Thuý Hằng** (2001). *Từ ngữ Hán*. In trong "Các ngôn ngữ phương Đông" (tr. 289-411). Nxb Địch học Quốc gia Hà Nội.
  7. **Nguyễn Văn Hiếu**. *Văn hoá dân tộc Mông-Dao Lào Cai dưới ánh qua ngữ nghĩa của các địa danh hành chính gốc Hán*. Hán Nôm số 2/2006.
  8. **Nguyễn Văn Hiếu**. *Những địa danh gốc Hán ở miền núi vùng dân tộc Mông-Dao Việt Nam (trên cú liêu địa danh hành chính tộc Lào Cai)*. Ngôn ngữ, số 11/2005.
  9. **Lê Trung Hoa** (2002). *Các phương pháp cập nhật trong việc nghiên cứu địa danh* Ngôn ngữ, số 7/2002.
  10. **Tô Thu Mai** (2004). *Nghiên cứu địa danh Quảng Trị*. Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội.
  11. **Hoàng Tấn Thành** (2003). *Địa danh Đà Nẵng và cách tiếp cận ngôn ngữ học*. Ngôn ngữ, số 2/2003.
  12. **Đoàn Thiệu Thuật** (1999). *Ngữ âm tiếng Việt*. Nxb Địch học Quốc gia Hà Nội.
  13. **Nguyễn Kiên Trường** (1996). *Những địa danh chính của địa danh Hồ Chí Minh (trong vài nét đối sánh với địa danh Việt Nam)*. Luận án phó tiến sĩ Khoa học Ngữ văn. Địch học KHXH&NV Hà Nội.
  14. **Wenzi Gaige Chubanshe**. *Hanyu Fangyan Gaiyao*. Beijing, 1982 (tiếng Hán).

Nguồn: <http://ngonngu.net>